

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22-3-2022
“V/v không công nhận vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Huỳnh Văn Đoan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lưu Xông Pha

Ông Nguyễn Công Trường

- Thư ký phiên toà: Ông Ngô Văn Bổng - Là Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 404/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 về việc “không công nhận vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị N, sinh năm: 1970 (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Việt H, sinh năm: 1974 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 10A, xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị N trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông H chung sống với nhau năm 1992, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cự cãi không hợp nhau nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay thấy không thể tiếp tục sống chung nên bà yêu cầu ly hôn ông H.

Về con chung: Có 02 con là Lê Ngọc Duyên, sinh năm 1992 và Lê Thị Duyên, sinh năm 1998, hiện các con đã trưởng thành tự nuôi sống được bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà N có Đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Lê Việt H đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử nhưng ông H vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Bùi Thị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; ông Lê Việt H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông H là đúng quy định. Bà N yêu cầu được ly hôn nên xác định là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Xét thấy, giữa bà Bùi Thị N và ông Lê Việt H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1992, tuy ông bà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định nhưng ông bà không đăng ký kết hôn là vi phạm các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình. Tại đơn khởi kiện bà N xác định do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên yêu cầu ly hôn với ông H, ông H cũng không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì về các yêu cầu của bà N, do bà N với ông H không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định của Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy pháp luật không công nhận bà Bùi Thị N và ông Lê Việt H là vợ chồng.

[3] Con chung: Có 02 con là Lê Ngọc Duyên, sinh năm 1992 và Lê Thị Duyên, sinh năm 1998, hiện đã trưởng thành tự nuôi sống được bản thân, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tài sản chung: Bà N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Do không ghi nhận được ý kiến của bị đơn ông Lê Việt H, nếu sau này có phát sinh tranh chấp ông H có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[5] Nợ chung: Bà N xác định không có.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 8, 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Hôn nhân: Không công nhận bà Bùi Thị N với ông Lê Việt H là vợ chồng.

Con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Thị N phải chịu 300.000 đồng. Ngày 29/10/2021 bà N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 00004094 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, bà Bùi Thị N và ông Lê Việt H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Đoan